

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **191/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 22-9-2020
V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;
2. Ông Võ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1985. *Vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh Thái Thanh T, sinh năm 1975. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Quế X, huyện S, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020, bản tự khai, tại các phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Lê Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2008, được Ủy ban nhân dân xã Quế X, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 24/4/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên bất đồng quan

điểm sống và quan điểm nuôi dạy con cái. Hiện nay, chị và anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 cháu tên Thái Lê Phương T, sinh ngày 14/02/2009 và Thái Lê Thanh T, sinh ngày 02/01/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, bị đơn - anh Thái Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị D về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn vì kinh tế gia đình. Nay, chị D yêu cầu ly hôn thì anh không thống nhất vì anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và các con còn nhỏ, anh yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 cháu tên Thái Lê Phương T, sinh ngày 14/02/2009 và Thái Lê Thanh T, sinh ngày 02/01/2013. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lê Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Thái Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Ngọc D có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Thái Thanh T, địa chỉ: Thôn P, xã Quế X, huyện S, tỉnh N. Nay, chị D khởi kiện xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *“Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế X, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 24/4/2008. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn; chị D cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc do thường xuyên bất đồng quan điểm sống và quan điểm nuôi dạy con cái. Anh T cho rằng mâu thuẫn do kinh tế gia đình nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị D và các con đều còn nhỏ nên anh không thống nhất ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Tuy anh T yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hiện nay anh chị không còn chung sống và quan tâm nhau nữa. Tại các phiên tòa, anh T đều vắng mặt không có lý do trong khi chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị D và anh T có 02 con chung tên là Thái Lê Phương T, sinh ngày 14/02/2009 và Thái Lê Thanh T, sinh ngày 02/01/2013. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai, các cháu T, T đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, anh T trình bày: *“Trường hợp phải ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con”*. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt, chị D xin xét xử vắng mặt và tiếp tục có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu T, T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của chị D là phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận giao các cháu Thái Lê Phương T và Thái Lê Thanh T cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Ngọc D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc D về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc D và anh Thái Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Lê Phương T, sinh ngày 14/02/2009 và cháu Thái Lê Thanh T, sinh ngày 02/01/2013 cho chị Lê Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Thái Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Lê Thị Ngọc D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001538 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế X (Giấy chứng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

nhận kết hôn số 26 ngày 24/4/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Châu Thị Kim Phụng